

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lê, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BAO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Quý I năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số 31/03/2014	Số dư 01/01/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		82,912,940,498	61,581,722,829
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	24,583,326,749	22,135,255,073
1. Tiền	111		10,583,326,749	6,135,255,073
2. Các khoản tương đương tiền	112		14,000,000,000	16,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6,300,000,000	800,000,000
Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	6,300,000,000	800,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48,259,149,744	34,533,820,562
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	22,536,584,776	22,921,252,354
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	7,999,509,656	3,037,711,804
3. Các khoản phải thu khác	135	V.5	17,723,055,312	8,574,856,404
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		452,140,429	399,996,127
Hàng tồn kho	141		452,140,429	399,996,127
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,318,323,576	3,712,651,067
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	1,925,477,082	2,384,452,050
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	522,168,451
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		232,664,027	344,190
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1,160,182,467	805,686,376
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		169,387,713,624	174,170,127,776
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		84,486,953,141	94,095,304,487
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	80,806,153,141	73,277,037,997
Nguyên giá	222		117,375,419,152	118,064,244,984
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36,569,266,011)	(44,787,206,987)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1,120,000,000	1,120,000,000
Nguyên giá	228		1,120,000,000	1,120,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	2,560,800,000	19,698,266,490
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	78,983,600,751	74,217,862,972
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		72,183,600,751	67,417,862,972
2. Đầu tư dài hạn khác	258		6,800,000,000	6,800,000,000
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3,875,480,310	3,629,673,675
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	3,127,530,310	2,881,723,675
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.13	747,950,000	747,950,000
VI. Lợi thế thương mại	269		2,041,679,422	2,227,286,642
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		252,300,654,122	235,751,850,605

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

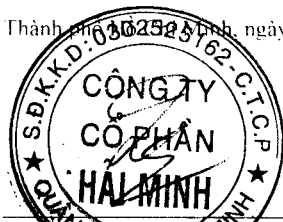
Quý I năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số 31/03/2014	Số dư 01/01/2014
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		24,049,742,569	18,856,473,012
I. Nợ ngắn hạn	310		18,687,873,516	18,343,303,959
1. Phải trả người bán	312	V.14	15,220,357,691	13,337,634,191
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	1,656,323,846	2,092,717,172
3. Phải trả người lao động	315		493,387,930	1,048,873,630
4. Chi phí phải trả	316		119,318,183	50,689,891
5. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	659,847,248	554,625,703
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		86,701,788	723,309,697
7. Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	323		451,936,830	535,453,675
II. Nợ dài hạn	330		5,361,869,053.00	513,169,053.00
1. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	333		250,000,000	400,000,000
2. Vay và nợ dài hạn	334		5,000,000,000	-
3. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		111,869,053	113,169,053
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		227,113,184,148	215,804,139,672
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	227,113,184,148	215,804,139,672
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		99,998,840,000	99,998,840,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1,928,510,000	1,928,510,000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(4,573,065,830)	(4,573,065,830)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		733,424,655	742,424,655
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		5,574,565,936	5,574,565,936
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		123,450,909,387	112,132,864,911
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439		1,137,727,405	1,091,237,921
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		252,300,654,122	235,751,850,605

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/03/2014	Số dư 01/01/2014
Ngoại tệ các loại:	05			
- Dollar Mỹ (USD)			\$35,777.79	\$11,012.79

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 05 năm 2014



NGUYỄN THỊ THUỖ
 Tổng Giám đốc

NGUYỄN THẾ HÙNG
 Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý I năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 QUÝ I NĂM 2014**

(Có so sánh với số liệu Quý I năm 2013)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND			
			Quý I năm 2014	Lũy kế Quý I năm 2014	Quý I năm 2013	Lũy kế Quý I năm 2013
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	23,532,220,082	23,532,220,082	27,006,967,811	27,006,967,811
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		23,532,220,082	23,532,220,082	27,006,967,811	27,006,967,811
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	17,600,065,293	17,600,065,293	19,545,114,619	19,545,114,619
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5,932,154,789	5,932,154,789	7,461,853,192	7,461,853,192
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	656,483,540	656,483,540	962,058,959	962,058,959
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	94,482,469	94,482,469	26,834,351	26,834,351
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		88,511,306	88,511,306	-	-
8 Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9 Chi phí quản lý kinh doanh	25	VI.5	2,129,434,850	2,129,434,850	2,391,198,564	2,391,198,564
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4,364,721,010	4,364,721,010	6,005,879,236	6,005,879,236
11 Thu nhập khác	31	VI.6	13,126,134,546	13,126,134,546	618,438,091	618,438,091
12 Chi phí khác	32	VI.7	9,113,116,840	9,113,116,840	392,079,183	392,079,183
13 Lợi nhuận khác	40		4,013,017,706	4,013,017,706	226,358,908	226,358,908
14 Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		4,770,130,510	4,770,130,510	4,141,258,145	4,141,258,145
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13,147,869,226	13,147,869,226	10,373,496,289	10,373,496,289
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		1,778,942,535	1,778,942,535	1,502,483,335	1,502,483,335
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11,368,926,691	11,368,926,691	8,871,012,954	8,871,012,954
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		50,882,215	50,882,215	44,038,116	44,038,116
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		11,318,044,476	11,318,044,476	8,826,974,838	8,826,974,838
<i>Trong đó</i>						
<i>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</i>			9,784,784	9,784,784	9,784,784	9,784,784
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1,157	1,157	902	902

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 05 năm 2014



NGUYỄN THẾ HÙNG
 Tổng Giám đốc

NGUYỄN THẾ HÙNG
 Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý I năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
 Quý I năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		13,147,869,226	44,972,769,396
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			-	-
- Khấu hao tài sản cố định	02		2,590,968,230	11,339,631,407
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5,491,116,162)	(29,715,036,564)
- Chi phí lãi vay	06		88,511,306	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		10,336,232,600	26,597,364,239
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09		(23,920,989,433)	(498,853,585)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		(52,144,302)	913,930,723
- Tăng (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuê thu nhập phải nộp)	11		8,395,739,581	(3,743,757,748)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12		213,168,333	(3,388,292,107)
- Tiền: lãi vay đã trả	13		(88,511,306)	-
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1,778,942,535)	(5,712,377,499)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(3,174,503,237)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<u>(6,895,447,062)</u>	<u>10,993,510,786</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,999,428,910)	(32,593,254,504)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		14,400,000,000	963,454,546
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(6,030,950,216)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		107,928,188	22,732,918,968
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<u>12,508,499,278</u>	<u>(13,617,648,706)</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5,000,000,000	1,000,000,000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(1,000,000,000)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8,164,980,540)	(5,707,134,875)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(3,164,980,540)</u>	<u>(5,707,134,875)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		<u>2,448,071,676</u>	<u>(8,331,272,795)</u>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		22,135,255,073	30,466,527,868
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>24,583,326,749</u>	<u>22,135,255,073</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 05 năm 2014



NGUYỄN THẾ HƯNG
 Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản Xuất – Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

4. Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con được hợp nhất:

Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát

Địa chỉ: Tầng 2, khách sạn Việt Trung – số 103 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải 1, quận An Hải, Thành phố Hải Phòng.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 96,08%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 96,08%

Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh

Địa chỉ : KM 0+200, Đường Đinh Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, Thành Phố Hải Phòng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 100%

Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty TNHH "K" Line Việt Nam

Địa chỉ : 23 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh

Địa chỉ : Số 01 Đinh Lễ, P.12, Q.4, Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý I năm 2014

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 49,00%

Công ty CP Hàng Hải Hưng phú

Địa chỉ : 21/4 Liên Phường, Phường Phú Hữu, Quận 9, TPHCM

Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Hải Minh: 40,00%

Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hải Minh: 40,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính Quý I năm 2014 thuộc năm tài chính thứ 13 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng Đôla Mỹ (USD) và các ngoại tệ khác trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012. Tỷ giá dùng để qui đổi các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 được áp dụng theo tỷ giá ngân hàng giao dịch (Ngân hàng Vietcombank - TP.HCM).

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2013: 21.085 VND/USD

Ngày 31/03/2014: 21.080 VND/USD

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý I năm 2014

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Các thay đổi chính sách kế toán và áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam: Vào ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Thông tư 210 có hiệu lực áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ nhật ký chung;

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quý I năm 2014

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

5. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

6. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào một công ty mà phần góp vốn của Công ty chiếm dưới 20% vốn chủ sở hữu của công ty đó.

7. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên Bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý I năm 2014

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

8. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ dài hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

9. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

10. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

11. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, chi phí công cụ dụng cụ chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 1 năm.

12. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý I năm 2014

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thi công mặt bằng và chi phí khác được Công ty tiến hành phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 1 đến 2 năm.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

15. Nguồn vốn kinh doanh - Các quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Công ty dùng để chi trợ cấp thôi việc, mất việc làm cho người lao động tại Công ty theo quy định hiện hành.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

16. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện xong và có xác nhận của khách hàng về dịch vụ đã thực hiện.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý I năm 2014

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở phù hợp với doanh thu trong kỳ.

19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Số dư 31/03/2014	Số dư 01/01/2014
Tiền mặt	1.905.410.870	1.049.926.467
Tiền VND	1.896.783.470	1.020.119.067
USD quy đổi VND	8.627.400	29.807.400
Tiền gửi ngân hàng	8.677.915.879	4.085.328.606
Tiền VND	7.927.275.980	3.882.373.639
Tiền USD quy đổi sang VND	750.639.899	202.954.967
Các khoản tương đương tiền	14.000.000.000	17.000.000.000
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	24.583.326.749	22.135.255.073

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Quý I năm 2014

2. Đầu tư ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số dư 31/03/2014	Số dư 01/01/2014
Tiền gửi NH TMCP Hàng Hải (MSB) kỳ hạn 12 tháng (*)	800.000.000	800.000.000
Khoản cho Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát vay vốn	500.000.000	-
Khoản cho Công ty CP Hàng Hải Hưng Phú vay vốn	5.000.000.000	-
Cộng	6.300.000.000	800.000.000

(*) Khoản tiền gửi Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB) kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 9%/năm.

3. Phải thu khách hàng

Công ty Cổ phần Hải Minh	10.913.760.968	11.058.831.782
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	5.140.546.959	4.944.704.977
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	6.482.276.849	6.917.715.595
Cộng	22.536.584.776	22.921.252.354

4. Trả trước cho người bán

Công ty Cổ phần Hải Minh	5.818.745.790	2.855.093.337
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	1.041.121.466	182.618.467
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	1.139.642.400	-
Cộng	7.999.509.656	3.037.711.804

5. Các khoản phải thu khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	17.553.110.652	8.365.770.257
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	36.140.058	6.703.545
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	133.804.602	202.382.602
Cộng	17.723.055.312	8.574.856.404

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công ty Cổ phần Hải Minh	814.851.150	1.539.269.221
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	682.702.278	495.615.241
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	427.923.654	349.567.588
Cộng	1.925.477.082	2.384.452.050

7. Tài sản ngắn hạn khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	618.470.618	169.771.437
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	357.987.994	519.811.084
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	183.723.855	116.103.855
Cộng	1.160.182.467	805.686.376

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý I năm 2014

8. Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình	
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	46.986.826.725	12.738.762.239	54.646.025.248	561.379.090	3.131.251.682	118.064.244.984
Tăng trong kỳ	15.254.828.007	411.805.821	-	3.261.485.208	208.776.364	19.136.895.400
Giảm trong kỳ	-	-	19.825.721.232	-	-	19.825.721.232
Số cuối kỳ	62.241.654.732	13.150.568.060	34.820.304.016	3.822.864.298	3.340.028.046	117.375.419.152
Hao mòn lũy kế						
Số đầu kỳ	13.047.046.031	8.617.185.881	22.426.793.512	515.981.115	104.375.056	44.711.381.595
Tăng trong kỳ	810.319.881	227.984.104	1.380.087.560	90.814.492	157.587.585	2.666.793.622
Giảm trong kỳ	-	-	10.808.909.206	-	-	10.808.909.206
Số cuối kỳ	13.857.365.912	8.845.169.985	12.997.971.866	606.795.607	261.962.641	36.569.266.011
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	33.939.780.694	4.121.576.358	32.219.231.736	45.397.975	3.026.876.626	73.352.863.389
Số cuối kỳ	48.384.288.820	4.305.398.075	21.822.332.150	3.216.068.691	3.078.065.405	80.806.153.141

9. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2014	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư 31/03/2014
Quyền sử dụng đất (*)	1.120.000.000	-	-	1.120.000.000
Cộng	1.137.000.000	-	-	1.120.000.000

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chỉ tiêu	Số dư 31/03/2014	Số dư 01/01/2014
Công ty Cổ phần Hải Minh	2.560.800.000	1.280.400.000
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	-	18.417.866.490
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	-	-
Cộng	2.560.800.000	19.698.266.490

11. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	72.183.600.751	67.417.862.972
Đầu tư dài hạn khác	6.800.000.000	6.800.000.000
+ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển	1.800.000.000	1.800.000.000
Cộng	78.983.600.751	74.217.862.972

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý I năm 2014

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Số dư 31/03/2014	Số dư 01/01/2014
Công ty Cổ phần Hải Minh	688.847.718	671.139.368
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	977.174.470	1.037.938.538
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	1.461.508.122	1.172.645.769
Cộng	3.127.530.310	2.881.723.675

13. Tài sản dài hạn khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	747.950.000	747.950.000
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	-	-
Cộng	747.950.000	747.950.000

14. Phải trả người bán

Công ty Cổ phần Hải Minh	8.887.038.923	8.411.599.714
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	3.733.041.614	2.990.672.431
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	2.600.277.154	1.935.362.046
Cộng	15.220.357.691	13.337.634.191

15. Thuế và các khoản phải nộp khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	838.261.109	804.755.223
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	341.645.400	562.469.295
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	476.417.337	725.492.654
Cộng	1.656.323.846	2.092.717.172

16. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

Chỉ tiêu	Số dư 31/12/2013	Số dư 01/01/2013
Công ty Cổ phần Hải Minh	410.873.513	276.292.530
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	234.690.735	264.462.673
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	14.283.000	13.870.500
Cộng	659.847.248	554.625.703

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

17. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2013	99.998.840.000	1.928.510.000	(4.573.065.830)	2.051.360.115	4.375.997.936	83.268.719.296	187.050.361.517
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	39.037.943.283	39.037.943.283
Chia lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(4.892.392.000)	(4.892.392.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.198.568.000	(5.193.796.000)	(3.995.228.000)
Giảm khác	-	-	-	(1.308.935.460)	-	(87.609.668)	(1.396.545.128)
Số dư 31/12/2013	99.998.840.000	1.928.510.000	(4.573.065.830)	742.424.655	5.574.565.936	112.132.864.911	215.804.139.672
Số dư 01/01/2014	99.998.840.000	1.928.510.000	(4.573.065.830)	742.424.655	5.574.565.936	112.132.864.911	215.804.139.672
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	11.318.044.476	11.318.044.476
Chia lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(9.000.000)	-	-	(9.000.000)
Số dư 31/03/2014	99.998.840.000	1.928.510.000	(4.573.065.830)	733.424.655	5.574.565.936	123.450.909.387	227.113.184.148

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh

Cổ phiếu

Chỉ tiêu	Số dư 31/03/2014	Số dư 01/01/2014
- Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	215.216	215.216
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.784.784	9.784.784

(*) Mệnh giá cổ phiếu 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ khen thưởng phúc lợi: Dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: Dùng cho công tác khen thưởng của ban quản lý, điều hành Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng

Chỉ tiêu	Quý I năm 2014	Lũy kế Quý I năm 2014	Quý I năm 2013	Lũy kế Quý I năm 2013
Công ty Cổ phần Hải Minh	7.357.106.076	7.357.106.076	8.494.246.081	8.494.246.081
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	9.430.694.936	9.430.694.936	12.008.247.382	12.008.247.382
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	6.744.419.070	6.744.419.070	6.504.474.348	6.504.474.348
Cộng	23.532.220.082	23.532.220.082	27.006.967.811	27.006.967.811

2. Giá vốn hàng bán

Công ty Cổ phần Hải Minh	5.565.174.745	5.565.174.745	5.874.132.475	5.874.132.475
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	4.521.814.444	4.521.814.444	6.217.775.112	6.217.775.112
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	-	94.279	94.279
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	7.513.076.104	7.513.076.104	7.453.112.753	7.453.112.753
Cộng	17.600.065.293	17.600.065.293	19.545.114.619	19.545.114.619

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý I năm 2014

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiêu	Quý I năm 2014	Lũy kế Quý I năm 2014	Quý I năm 2013	Lũy kế Quý I năm 2013
Công ty Cổ phần Hải Minh	635.130.236	635.130.236	685.610.484	685.610.484
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	7.524.031	7.524.031	57.614.911	57.614.911
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	-	144.601.563	144.601.563
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	-	70.363.751	70.363.751
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	13.829.273	13.829.273	3.868.250	3.868.250
Cộng	656.483.540	656.483.540	962.058.959	962.058.959

4. Chi phí tài chính

Công ty Cổ phần Hải Minh	5.971.163	5.971.163	26.834.351	26.834.351
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	88.511.306	88.511.306	-	-
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	-	-	-	-
Cộng	94.482.469	94.482.469	26.834.351	26.834.351

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Hải Minh	1.019.971.731	1.019.971.731	1.251.950.142	1.251.950.142
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	659.914.693	659.914.693	731.544.393	731.544.393
Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng	-	-	716.702	716.702
Công ty Tiếp vận Hoàng Nam	-	-	110.289.938	110.289.938
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	449.548.426	449.548.426	296.697.389	296.697.389
Cộng	2.129.434.850	2.129.434.850	2.391.198.564	2.391.198.564

6. Thu nhập khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	12.831.589.091	12.831.589.091	618.438.091	618.438.091
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	140.000.000	140.000.000	-	-
Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh	154.545.455	154.545.455	-	-
Cộng	13.126.134.546	13.126.134.546	618.438.091	618.438.091

7. Chi phí khác

Công ty Cổ phần Hải Minh	9.103.616.840	9.103.616.840	392.079.183	392.079.183
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	9.500.000	9.500.000	-	-
Cộng	9.113.116.840	9.113.116.840	392.079.183	392.079.183

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý I năm 2014

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Quý I năm 2014</u>	<u>Quý I năm 2013</u>
Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu kỳ	9.784.784	9.784.784
Số lượng cổ phiếu bán ra trong kỳ	-	-
Số lượng cổ phiếu mua vào trong kỳ	-	-
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	9.784.784	9.784.784
Lợi nhuận kế toán phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	11.318.044.476	8.826.974.838
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.157	902

9. Giải thích chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước.

Đầu quý 1/2014 doanh nghiệp thực hiện việc thanh lý một số tài sản sắp hết khấu hao (chủ yếu là phương tiện vận tải) .trong kế hoạch thực hiện tái cơ cấu sản xuất mang lại một khoản lợi nhuận khá lớn là nguyên nhân chính dẫn đến kết quả LN hợp nhất quý 1/2014 tăng 28% so cùng kỳ năm trước .

Tp.HCM. ngày 13 tháng 05 năm 2014



NGUYỄN THẾ HÙNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu